

## **BÀI 27: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM**

**I. Công nghiệp năng lượng:** bao gồm hai phân ngành là khai thác nguyên nhiên liệu và sản xuất điện.

### **1. Công nghiệp khai thác nguyên, nhiên liệu**

#### **a) Công nghiệp khai thác than:**

+ Than antraxit: tập trung ở khu vực Quảng Ninh với trữ lượng hơn 3 tỉ tấn, cho nhiệt lượng 7000 - 8000 calo/kg.

+ Than nâu: phân bố ở đồng bằng sông Hồng, trữ lượng hàng chục tỉ tấn.

+ Than bùn: tập trung nhiều ở ĐB SCL đặc biệt là khu vực U Minh.

+ Sản lượng than liên tục tăng, năm 2005 đạt gần 34 triệu tấn.

#### **b) Công nghiệp khai thác dầu khí:**

+ Trữ lượng: vài tỉ tấn dầu và hàng trăm tỉ m<sup>3</sup> khí.

+ Phân bố: các bể trầm tích ngoài thềm lục địa. Hai bể trầm tích lớn là Cửu Long và Nam Côn Sơn.

+ Tình hình sản xuất: khai thác từ năm 1986, sản lượng liên tục tăng; xây dựng và đưa vào vận hành nhà máy lọc dầu Dung Quất (Quảng Ngãi) với công suất 6,5 triệu tấn / năm. Khai thác khí tự nhiên cung cấp cho các nhà máy điện tuabin khí Phú Mỹ, Cà Mau, cung cấp nguyên liệu cho sản xuất phân đạm.

### **2. Công nghiệp điện lực**

+ Nước ta có nhiều tiềm năng phát triển công nghiệp điện lực.

+ Sản lượng điện tăng rất nhanh.

+ Cơ cấu sản lượng điện phân theo nguồn có sự thay đổi: Giai đoạn 1991-1996 thủy điện chiếm hơn 70%. Đến năm 2005 nhiệt điện chiếm khoảng 70% đặc biệt là điazen-tuabin khí (45,6%)

+ Mạng lưới tải điện đáng chú ý nhất là đường dây siêu cao áp 500kV Bắc – Nam từ Hòa Bình đến Phú Lâm.

#### **\*Thủy điện:**

+ Tiềm năng rất lớn, khoảng 30 triệu KW với sản lượng 260-270 tỉ kwh, tập trung ở hệ thống sông Hồng( 37%) và sông Đồng Nai(19%).

+ Hàng loạt các nhà máy thủy điện công suất lớn đang hoạt động: Hòa Bình, Yaly, Trị An, Sơn La.

+ Nhiều nhà máy đang triển khai xây dựng.

#### **\*Nhiệt điện:**

- + Nhiên liệu dồi dào: than, dầu khí.
- + Nguồn nhiên liệu tiềm tàng: năng lượng mặt trời, sức gió...
- + Các nhà máy nhiệt điện phía Bắc chủ yếu dựa vào than ở Quảng Ninh, các nhà máy nhiệt điện ở miền Trung và miền Nam chủ yếu dựa vào dầu, khí.

+ Từ năm 1995 có thêm khí tự nhiên phục vụ cho các nhà máy nhiệt điện chạy bằng tuabin khí ở Bà Rịa, Phú Mỹ, Cà Mau.

+ Hàng loạt nhà máy nhiệt điện có công suất lớn đi vào hoạt động: Phả Lại; Uông Bí và Uông Bí mở rộng; Phú Mỹ 1, 2, 3, 4; Na Dương, Ninh Bình, Bà Rịa, Hiệp Phước, Thủ Đức, Cà Mau 1 và 2.

+ Một số nhà máy đang được xây dựng.

## **II. Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm**

- Là ngành trọng điểm với cơ cấu ngành rất phong phú và đa dạng với 3 nhóm ngành chính và nhiều phân ngành khác.

- Dựa vào nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú của ngành trồng trọt, chăn nuôi và đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản, thị trường tiêu thụ rộng lớn trong và ngoài nước.

- Cơ cấu bao gồm:

+ Chế biến sản phẩm trồng trọt: xay xát, đường mía, chè, cà phê, thuốc lá, rượu bia, nước ngọt....

+ Chế biến sản phẩm chăn nuôi: sữa và các sản phẩm từ sữa, thịt và các sản phẩm từ thịt...

+ Chế biến thủy hải sản: nước mắm, muối, tôm, cá....

## **TRẮC NGHIỆM BÀI 27**

**Câu 1: Vùng tập trung than đá với quy mô lớn ở nước ta là**

- A. Quảng Ninh.
- B. Lạng Sơn.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Cà Mau.

**Câu 2: Đường dây 500 KV nổi**

- A. Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh.
- B. Hoà Bình - Phú Lâm.

C. Lạng Sơn - Cà Mau.

D. Hoà Bình - Cà Mau.

**Câu 3: Nhà máy điện chạy bằng dầu có công suất lớn nhất hiện nay là**

A. Phú Mỹ.

B. Phả Lại.

C. Hiệp Phước.

D. Hoà Bình.

**Câu 4: Đây là điểm khác nhau giữa các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc và các nhà máy nhiệt điện ở miền Nam**

A. Các nhà máy ở miền Nam thường có quy mô lớn hơn.

B. Miền Bắc chạy bằng than, miền Nam chạy bằng dầu hoặc khí.

C. Miền Bắc nằm gần vùng nguyên liệu, miền Nam gần các thành phố.

D. Các nhà máy ở miền Bắc được xây dựng sớm hơn các nhà máy ở miền Nam.

**Câu 6: Đây là đặc điểm của ngành dầu khí của nước ta**

A. Tiềm năng trữ lượng lớn nhưng quy mô khai thác nhỏ.

B. Trên 95% sản lượng được dùng để xuất khẩu thô.

C. Mới được hình thành trong thập niên 70 của thế kỉ XX.

D. Bao gồm cả khai thác, lọc dầu và hoá dầu.

**Câu 7: Đường dây 500 KV được xây dựng nhằm mục đích**

A. Khắc phục tình trạng mất cân đối về điện năng của các vùng lãnh thổ.

B. Tạo ra một mạng lưới điện phủ khắp cả nước.

C. Kết hợp giữa nhiệt điện và thuỷ điện thành mạng lưới điện quốc gia.

D. Đưa điện về phục vụ cho nông thôn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa.

**Câu 8: Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than không phát triển ở phía Nam chủ yếu là do**

A. xa các nguồn nhiên liệu than.

B. xây dựng đòi hỏi vốn lớn hơn.

C. ít nhu cầu về điện hơn phía Bắc.

D. gây ô nhiễm môi trường.

**Câu 9: Ngành công nghiệp năng lượng của nước ta có đặc điểm**

A. Là ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp.

B. Có liên quan, tác động đến tất cả các ngành kinh tế khác.

C. Ra đời sớm nhất trong các ngành công nghiệp.

D. Tỉ trọng ngày càng giảm trong cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp.

**Câu 10: Khó khăn lớn nhất của việc khai thác thuỷ điện của nước ta là**

A. Sông ngòi ngắn dốc, tiềm năng thuỷ điện thấp.

- B. Miền núi và trung du cơ sở hạ tầng còn yếu.
- C. Sự phân mùa của khí hậu làm lượng nước không đều.
- D. Sông ngòi của nước ta có lưu lượng nhỏ.

**Câu 11: Trữ lượng quặng bôxít lớn nhất nước ta tập trung ở**

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ và Đông Nam Bộ.
- B. Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.
- D. Tây Nguyên.

**Câu 12: Dầu mỏ, khí đốt có tiềm năng và triển vọng lớn của nước ta tập trung ở**

- A. Bể trầm tích sông Hồng.
- B. Bể trầm tích Thổ Chu - Mã Lai.
- C. Bể trầm tích Cửu Long.
- D. Bể trầm tích Nam Côn Sơn.

**Câu 13: Dựa vào đặc điểm, tính chất tự nhiên và mục đích sử dụng có thể phân chia tài nguyên thiên nhiên theo**

- A. Tài nguyên có thể bị hao kiệt và tài nguyên không bị hao kiệt.
- B. Tài nguyên không phục hồi được và tài nguyên có thể phục hồi lại được.
- C. Tài nguyên không bị hao kiệt.
- D. Tài nguyên bị hao kiệt, nhưng có thể phục hồi được.

**Câu 14: Xét theo công dụng, thì khoáng sản phi kim loại như apatit, pirit, foforit là nguồn nguyên liệu chủ yếu cho ngành**

- A. Công nghiệp hoá chất, phân bón.
- B. Công nghiệp sản xuất vật liệu.
- C. Dùng làm chất trợ dung cho một số ngành công nghiệp nặng.
- D. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

**Câu 15: Loại khoáng sản thuận lợi trong khai thác và sử dụng phổ biến nhất ở nước ta là**

- A. Than đá.
- B. Vật liệu xây dựng.
- C. Quặng sắt và crôm.
- D. Quặng thiếc và titan ở ven biển.

**Câu 16: Ở nước ta khoáng sản có ý nghĩa lớn đối với công nghiệp hiện đại, nhưng chưa được đánh giá đúng trữ lượng là**

- A. Dầu - khí và than nâu.
- B. Quặng bôxít.

C. Quặng thiếc và titan.

D. Quặng sắt và crôm.

**Câu 17: Đây là 2 nhà máy thủy điện đang được xây dựng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ**

A. Hoà Bình, Tuyên Quang.

B. Thác Bà, Sơn La.

C. Đại Thi, Sơn La.

D. Bản Vẽ, Na Hang.

**Câu 18: Ý nào dưới đây không phải là nguyên nhân làm cho sản lượng điện nước ta tăng nhanh?**

A. Nhiều nhà máy điện có quy mô lớn đi vào hoạt động.

B. Đáp ứng việc xuất khẩu điện sang các nước lân cận.

C. Nước ta có nhiều tiềm năng phát triển công nghiệp điện lực.

D. Nhu cầu về điện để phục vụ sản xuất và đời sống ngày càng nhiều.

**Câu 19: Trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta hiện nay, tỉ trọng lớn nhất thuộc về**

A. nhiệt điện, thủy điện.

B. nhiệt điện, điện gió.

C. thủy điện, điện nguyên tử.

D. thủy điện, điện gió.

**Câu 20: Nhiều nhà máy thủy điện được xây dựng ở nước ta vì**

A. giá thành xây dựng thấp.

B. tiềm năng thủy điện rất lớn.

C. không tác động tới môi trường.

D. không đòi hỏi trình độ khoa học – kĩ thuật cao.

**Câu 21: Ở nước ta, ngành công nghiệp nào sau đây cần ưu tiên đi trước một bước?**

A. Điện lực.

B. Sản xuất hàng tiêu dùng.

C. Chế biến dầu khí.

D. Chế biến nông – lâm – thủy sản.

**Câu 22: Khó khăn lớn nhất đối với việc khai thác tiềm năng thủy điện nước ta là**

A. sông ngòi ngắn và dốc.

B. lượng nước không ổn định trong năm.

C. thiếu kinh nghiệm trong khai thác.

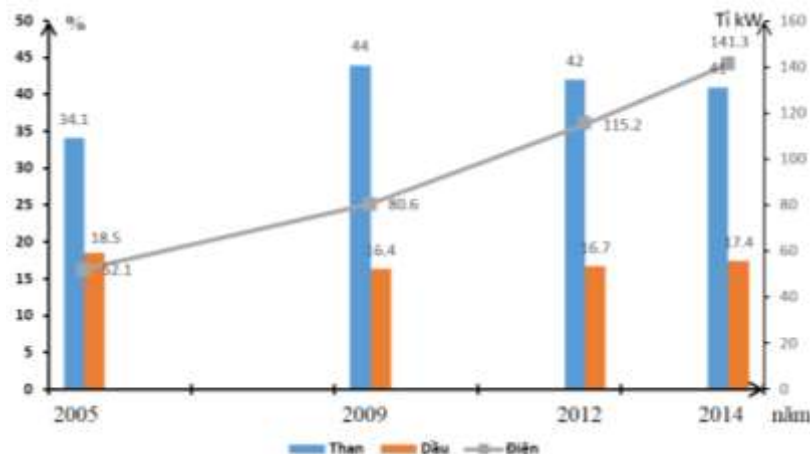
D. trình độ khoa học – kĩ thuật còn thấp

**Câu 23: Sản lượng điện nước ta trong những năm gần đây tăng nhanh chủ yếu do tăng nhanh**

- A. sản lượng thủy điện.
- B. sản lượng nhiệt điện khí.
- C. sản lượng nhiệt điện than.
- D. nguồn điện nhập khẩu.

**Câu 24: Cho biểu đồ sau**

**SẢN LƯỢNG THAN, ĐIỆN VÀ DẦU MỎ CỦA NƯỚC TA**



Nhận xét nào sau đây *đúng* với biểu đồ trên?

- A. Sản lượng điện tăng nhanh và ổn định.
- B. Sản lượng dầu mỏ không có biến động.
- C. Sản lượng than đang có xu hướng tăng.
- D. Than và dầu mỏ có xu hướng biến động giống nhau

**Câu 25: Dựa vào bản đồ công nghiệp năng lượng (Atlas trang 22), sản lượng điện của nước ta trong giai đoạn 2000 – 2007 tăng**

- A. 2,4 lần.
- B. 3,4 lần.
- C. 4,4 lần.
- D. 5,4 lần.

**Câu 26: Tiềm năng thủy điện lớn nhất của nước ta tập trung trên hệ thống sông**

- A. Sông Đồng Nai.
- B. Sông Hồng.
- C. Sông Thái Bình.
- D. Sông Mã.

**Câu 27: Nhà máy thủy điện có công suất phát điện lớn nhất nước ta hiện nay là**

- A. Sơn La.
- B. Hoà Bình.
- C. Trị An.
- D. Yaly.

**Câu 28:** Dựa vào bản đồ công nghiệp năng lượng (Atlas trang 22), cho biết sản lượng than sạch của nước ta trong giai đoạn 2000 – 2007 tăng bao nhiêu lần?

- A. 2,7 lần.                      B. 3,7 lần.                      C. 4,7 lần.                      D. 5,7 lần.

**Câu 29:** Cho bảng số liệu

**MỘT SỐ SẢN PHẨM CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN 2000 – 2014**

Sản phẩm	2000	2005	2010	2014
Than sạch (nghìn tấn)	11 609	34 093	44 835	41 086
Dầu thô khai thác (nghìn tấn)	16 291	18 519	15 014	17 392
Khí tự nhiên dạng khí (triệu m <sup>3</sup> )	1 596	6 440	9 402	10 210
Điện (triệu kwh)	26 683	52 078	91 722	141 250

Dựa vào bảng số liệu trên, cho biết nhận xét nào sau đây *không đúng* về tình hình phát triển một số sản phẩm của ngành công nghiệp năng lượng ở nước ta giai đoạn 2000 – 2014?

- A. Sản lượng các sản phẩm công nghiệp đều có xu hướng tăng.  
B. Sản lượng điện tăng trưởng nhanh nhất.  
C. Sản lượng than sạch tăng liên tục trong giai đoạn 2000 - 2010.  
D. Sản lượng dầu thô và khí tự nhiên tăng không ổn định.

**Câu 30:** Than nâu phân bố nhiều nhất ở

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ.  
B. Đông Nam Bộ.  
C. Đồng bằng sông Hồng.  
D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 31:** Ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm vì

- A. có thị trường tiêu thụ rộng lớn.                      B. tác động xấu tới môi trường.  
C. đầu tư cho công nghệ sản xuất cao.                      D. sử dụng nhiều lao động trình độ cao.

**Câu 32:** Thành phố Hồ Chí Minh có ngành xây xát phát triển nhờ

- A. có cơ sở hạ tầng phát triển.  
B. gần vùng nguyên liệu.  
C. có thị trường lớn, phục vụ xuất khẩu.  
D. có truyền thống lâu đời.

**Câu 33: Đây là quy luật phân bố các cơ sở công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm**

- A. gắn liền với các vùng chuyên canh, các vùng nguyên liệu.
- B. gắn liền với thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.
- C. các cơ sở sơ chế gắn với vùng nguyên liệu, các cơ sở thành phẩm gắn với thị trường.
- D. tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn vì nhu cầu thị trường và yếu tố công nghệ.

**Câu 34: Vùng trồng và chế biến thuốc lá hàng đầu của nước ta hiện nay là**

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Nam Trung Bộ.
- D. Đông Nam Bộ.

**Câu 35: Thế mạnh hàng đầu để phát triển công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm ở nước ta hiện nay là**

- A. có thị trường xuất khẩu rộng mở.
- B. có nguồn lao động dồi dào, lương thấp.
- C. có nguồn nguyên liệu tại chỗ đa dạng phong phú.
- D. có nhiều cơ sở, phân bố rộng khắp trên cả nước.

**Câu 36: Ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản thường được phân bố ở nơi**

- A. vị trí nằm trong các trung tâm công nghiệp lớn.
- B. nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.
- C. mạng lưới giao thông vận tải phát triển.
- D. cơ sở vật chất – kĩ thuật tốt nhất.

**Câu 37: Sa Huỳnh là nơi nổi tiếng nước ta với sản phẩm**

- A. muối.
- B. nước mắm.
- C. chè.
- D. đồ hộp.

**Câu 38: Cà Ná là nơi sản xuất muối nổi tiếng của nước ta thuộc tỉnh**

- A. Nam Định.
- B. Quảng Ngãi.
- C. Ninh Thuận.
- D. Kiên Giang.

**Câu 39: Các cơ sở chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa tập trung ở các đô thị lớn vì**

- A. có lực lượng lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ lớn.
- B. gần nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.



C. có lực lượng lao động dồi dào và gần nguồn nguyên liệu.

D. có thị trường tiêu thụ lớn và đảm bảo kỹ thuật.

**Câu 40: Đây là ngành công nghiệp được phân bố rộng rãi nhất ở nước ta**

A. chế biến sản phẩm chăn nuôi.

B. chế biến chè, thuốc lá.

C. chế biến hải sản.

D. xay xát.

**Câu 41: Đây là những địa danh làm nước mắm nổi tiếng nhất ở nước ta**

A. Cát Hải (Hải Phòng), Nam Ô (Đà Nẵng), Tuy Hoà (Phú Yên).

B. Phú Quốc (Kiên Giang), Long Xuyên (An Giang), Vũng Tàu (Bà Rịa – Vũng Tàu)

C. Cát Hải (Hải Phòng), Phan Thiết (Bình Thuận), Phú Quốc (Kiên Giang).

D. Phan Thiết (Bình Thuận), Nha Trang (Khánh Hoà), Tuy Hoà (Phú Yên).

**Câu 42: Vùng công nghiệp sản xuất đường mía phát triển nhất nước ta là**

A. Đông Nam Bộ. B.

Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Nam Trung Bộ. D.

Bắc Trung Bộ.

**Câu 43: Cho bảng số liệu**

**MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN  
1998 – 2014**

Sản phẩm	2000	2005	2010	2012	2014
Thủy sản đông lạnh (nghìn tấn)	177,7	681,7	1278,3	1372,1	1586,7
Chè chế biến (nghìn tấn)	70,1	127,2	211,0	193,3	179,8
Giày, dép da (triệu đôi)	107,9	218,0	192,2	222,1	246,5
Xi măng (nghìn tấn)	13298,0	30808,0	55801,0	56353,0	60982,0

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây *không đúng* về tình hình phát triển một số sản phẩm công nghiệp ở nước ta trong giai đoạn 2000-2014 ?

A. Sản lượng các sản phẩm công nghiệp.

B. Sản lượng thủy sản đông lạnh có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.

C. Sản lượng chè chế biến và giày, dép da liên tục giảm.

D. Sản lượng xi măng tăng ổn định trong giai đoạn 2000 – 2014.

**Câu 44: Dựa vào bản đồ công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm (Atlas trang 22), tỉ trọng giá trị sản xuất của ngành này so với toàn ngành công nghiệp trong giai đoạn 2000 – 2007 ở nước ta giảm**

A. 1,2 %

B. 2,2%

C. 3,2%

D. 4,2%

---